|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/NQ-HĐND | *Quảng Nam, ngày tháng năm 2024* |

**Dự thảo**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách đối với viên chức giáo viên công tác ở các huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2025 -2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ …**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015*; *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020*;

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015*;

*Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số …../TTr-UBND ngày …. tháng ….. năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách đối với viên chức công tác ở các huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2025-2026; Báo cáo thẩm tra số …../BC-HĐND ngày ….. tháng …… năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định về chính sách đối với viên chức giáo viên công tác ở các huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam, gồm: chính sách hỗ trợ lần đầu khi nhận công tác; chính sách hỗ trợ sinh hoạt hằng tháng.

2. Các huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm: Bắc Trà My, Nam Trà My, Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang, Phước Sơn.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc tỉnh đóng chân tại các huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam (không phân biệt người địa phương với người nơi khác đến) đã được xếp lương theo bảng lương do cơ quan có thẩm quyền quy định.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

2. Những trường hợp thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

3. Các xã khu vực I, II, III và thôn đặc biệt khó khăn nêu tại Nghị quyết này áp dụng theo danh sách đã được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương.

4. Khi các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

**Điều 4. Hỗ trợ lần đầu khi nhận công tác**

1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này khi nhận công tác lần đầu ở các huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam và có cam kết làm việc tại các huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam ít nhất 05 năm được hỗ trợ như sau:

a) 100.000.000 đồng/người đối với viên chức đến công tác tại các xã khu vực III hoặc thôn đặc biệt khó khăn.

b) 75.000.000 đồng/người đối với viên chức đến công tác tại các xã khu vực II.

c) 50.000.000 đồng/người đối với viên chức đến công tác tại các xã khu vực I.

2. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm bồi thường 100% kinh phí được hỗ trợ nếu vi phạm một trong các trường hợp sau đây: Không chấp hành sự phân công công tác của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền; liên tục 02 năm liền bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời gian cam kết làm việc; tự ý bỏ việc trong thời gian cam kết; bị kỷ luật buộc thôi việc.

**Điều 5. Hỗ trợ sinh hoạt hằng tháng**

1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này *(bao gồm cả trường hợp biệt phái và không bao gồm trường hợp đang hưởng phụ cấp thu hút quy định tại Điều 4 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ)* được hỗ trợ sinh hoạt hằng tháng, áp dụng đối với thời gian thực tế làm việc ở các huyện miền núi cao với mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) 1.800.000 đồng/người/tháng đối với viên chức công tác tại các xã khu vực III hoặc thôn đặc biệt khó khăn.

b) 1.500.000 đồng/người/tháng đối với viên chức công tác tại các xã khu vực II.

c) 1.200.000 đồng/người/tháng đối với viên chức công tác tại các xã khu vực I.

2. Mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này không dùng làm cơ sở để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

**Điều 6. Kinh phí thực hiện**

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2025 - 2026 khoảng **170** tỷ đồng; bình quân mỗi năm khoảng: **85** tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 8. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng … năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- VP: QH, CTN, CP;- Ban CTĐB-UBTVQH;- Bộ Giáo dục và Đào tạo;- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;- Các Ban của HĐND tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- TTXVN tại Quảng Nam;- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;- Lưu: VT, CTHĐND. | **TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |